TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 04/9/2020
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Bà Nguyễn Thị Thanh Mai**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Hoàng Nam**

Ông Lê Văn Đáng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Phương Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh:*** Ông Nguyễn Thanh Vũ, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 299/2020/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 6 năm 2020 về việc *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 03/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/QĐST –HNGĐ ngày 19/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Th, sinh năm 1970; có mặt

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1972; vắng mặt không có lý do.

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Phan Thị Th trình bày:

- *Về hôn nhân*: Vào khoảng năm 1993 chị Th và anh Nguyễn Văn G xác lập quan hệ hôn nhân, nhưng đến năm 2013 mới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẩn, nguyên nhân do anh G thường xuyên ghen tuông và chưởi chị trước mặt mọi người một cách vô cớ, vợ chồng thường hay cự cải nhau nên đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân

không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn G.

-*Về con chung:* Có hai con tên Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh ngày 04/11/1994 và Nguyễn Văn Ph, sinh ngày 08/11/1999 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Nguyễn Văn G vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chấp hành đúng quy định theo Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định theo Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Th được ly hôn với anh G; Về con chung: Có hai con tên Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh ngày 04/11/1994 và Nguyễn Văn Ph, sinh ngày 08/11/1999 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; về tài sản và nợ chung: Các đương sự không khởi kiện, không tranh chấp nên không xem xét.

Về án phí: Buộc chị Phan Thị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Phần kiến nghị: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Anh G đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh G theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*: Chị Th khởi kiện yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về hôn nhân*: Chị Th và anh G xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của chị Th và anh G là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Th trình bày anh G thường xuyên ghen tuông và chưởi chị trước mặt mọi người một cách vô cớ, vợ chồng thường hay cự cải nhau và đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được nên chị cương quyết xin ly hôn với anh Gọn.

Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng chị Th hàn gắn, nhưng anh G vắng mặt không có lý do, thể hiện anh G không có thiện chí hàn gắn. Do đó, căn cứ Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th.

[4] *Về con chung:* Có hai con tên Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh ngày 04/11/1994 và Nguyễn Văn Ph, sinh ngày 08/11/1999 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản và nợ phải thu, phải trả*: Các đương sự không khởi kiện, không tranh chấp nên không xem xét.

[6] *Về án phí*: Buộc chị Phan Thị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Phan Thị Th được ly hôn với anh Nguyễn Văn G

2. Về con chung: Có hai con tên Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh ngày 04/11/1994 và Nguyễn Văn Ph, sinh ngày 08/11/1999 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản và nợ phải thu, phải trả: Các đương sự không khởi kiện, không tranh chấp nên không xem xét.

4. Về án phí: Buộc chị Phan Thị Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Th đã nộp theo biên lai số 0008647 ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Mai

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.